

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 5-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1995

Trú tại: Thôn Vĩnh Trù 2, xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Lê Huy T – sinh năm 1992

Trú tại: Thôn Tân Thắng 2, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, có mặt chị Tình, vắng mặt anh Tuấn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2018, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lê Huy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã An Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23 tháng 7 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn là do anh T chơi bời, đánh vợ, dọa cho con trai uống thuốc cỏ để uy hiếp làm chị sống trong tâm trạng lo lắng, sợ hãi. Ngoài ra, anh T còn chửi bới, xúc phạm gia đình chị. Chị đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng không được. Gia đình, đoàn thể cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không cải thiện được tình cảm. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể sống chung với nhau được nữa nên từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân. Chị T xác định không còn tình

cảm với anh T và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Huy Bảo A sinh ngày 02 /02/ 2013 . Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Bảo A ở với chị. Hai mẹ con đang ở nhà bà ngoại tại xóm Vĩnh Trù 2 xã An Nông. Chị đang làm công nhân may ở gần nhà, thu nhập bình quân 5.500.000đ /tháng. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 31 tháng 01 năm 2019, bị đơn là anh Lê Huy T trình bày: A và chị T kết hôn tự nguyện có giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh chưa quan tâm đến vợ, chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng. Anh muốn nhìn nhận lại và thay đổi để tiếp tục chung sống với vợ con. Anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng giàn xếp đoàn tụ.

Về con chung và tài sản chung: Anh T không có ý kiến gì.

Biên bản xác minh ngày 25/3/2019 tại UBND xã An Nông, huyện Triệu Sơn thể hiện: Chị T và anh T kết hôn năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân. Chị T về sống với bố mẹ đẻ tại thôn Vĩnh Trù 2, xã An Nông. Chị T đang nuôi cháu Bảo A và làm công nhân may tại xã An Nông. Chị có sức khỏe, thu nhập, chăm sóc con tốt, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Bảo A. Cháu Bảo A đang học tại trường Mầm non xã An Nông, cháu khỏe mạnh, đi học đầy đủ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Về hôn nhân áp dụng Điều 51,56 LHNGĐ: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị được ly hôn anh T. Về con chung áp dụng Điều 81,82,83 LHNGĐ: Chấp nhận cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Huy Bảo A sinh ngày 02 /02/ 2013. Về án phí áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện xin ly hôn anh T có hộ khẩu thường trú tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng tại phiên hòa giải và phiên tòa anh T đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng

mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã An Nông, huyện Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình, có hành vi bạo lực với vợ. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Gia đình nhiều lần giàn xếp nhưng không thành. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Huy Bảo A sinh ngày 02/ 02/ 2013. Hiện nay cháu đang ở với mẹ, cháu được chăm sóc tốt, đi học đầy đủ. Chị T làm công nhân may gần nhà, thu nhập ổn định, có sức khỏe đủ điều kiện nuôi con tốt do đó giao cháu Bảo A cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Huy T.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Huy Bảo A sinh ngày 02/02/2013, giao cho chị T nuôi dưỡng cháu Bảo A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2017/0005330 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã An Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu